

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 30/6/2022

*“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự - Vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Thùy Vân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Niên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Phụng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà **Cao Thị Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-DS ngày 31/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-DS ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là chị Bùi Thanh T1, sinh năm 1991; HKTT: Ấp 3, xã Mỹ L, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp và địa chỉ liên hệ: khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T2, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Đường 3/2, khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2021 và tại phiên tòa chị Bùi Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T trình bày:

Vào ngày 09/6/2016, bà T có cho bà T2 vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 2.500đ/1.000.000 đồng/ngày, hai bên thỏa thuận miệng trong vòng khoảng từ 3 đến 4 tháng bà Thủy sẽ hoàn trả lại cho bà T số tiền gốc. Từ khi cho vay đến nay bà T2 chưa đóng tiền lãi cho bà Thoa. Sau khi hết thời hạn 4 tháng, bà T có yêu cầu bà T2 trả số tiền nợ gốc và tiền lãi, nhưng bà T2 cứ hứa hết lần này đến lần khác mà không thực hiện việc trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T2 trả cho bà T số tiền vốn còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 9/11/2016 đến ngày 09/3/2021 là 52 tháng với lãi suất 1,67%/tháng ($52 \text{ tháng} \times 1,67\% \times 100.000.000 \text{ đồng} = 86.840.000 \text{ đồng}$), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 186.840.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,67%/tháng cho đến khi vụ án được giải quyết bằng quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà Phan Thị T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T2 phải trả cho bà T số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Theo văn bản ý kiến và tại phiên tòa bà Lê Thị T2 trình bày:

Vào ngày 6/9/2016 bà T2 có viết giấy nhận nợ với bà T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), số tiền này bà T2 nhận trực tiếp từ ông Trần Văn S chứ không phải từ bà T. Bà T2 cho rằng ông S có hứa sẽ đóng lãi phần tiền này cho bà T, lý do là ông S vi phạm hợp đồng mua nhà của bà T2 giờ ông S phải lo cho bà T2 xây phòng Karaôkê để bà T2 làm ăn, biên nhận nợ này bà T2 chỉ biết liên quan với ông S không liên quan gì đến bà T, bà T2 không biết bà T là ai. Không đồng ý trả 100.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Phan Thị T.

** Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án:*

1/ 01 (một) Biên nhận ngày 09/6/2016 (bản chính);

** Tài liệu, chứng cứ phía bị đơn cung cấp:*

1/ Văn bản trình bày ý kiến (bản photo).

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự đã thống nhất: Không.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị T, buộc bà Lê Thị T2 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - Vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, địa chỉ của bị đơn là tại khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy tại phiên tòa, chị Bùi Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T2 phải trả cho bà T số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị T: Theo Biên nhận ngày 09/6/2016 có nội dung: “*Tôi có nợ chị T số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn (lãi 1 triệu 2.500đ trên 1 ngày (một ngày) em sung giới thiệu lấy đưa dùm 9/6/2016*”, biên nhận có ký tên và viết họ tên Lê Thị T2. Chị T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày nội dung biên nhận và chữ viết, chữ ký trong biên nhận nêu trên là do bà T2 tự viết và ký tên. Nội dung này phù hợp với lời khai người làm chứng anh Trần Văn S (tại bút lục 19), anh S xác định bà T có cho bà T2 vay 100.000.000 đồng, số tiền này do anh S lấy từ bà T đưa tận tay bà T2 vào ngày 9/6/2016 và bà T2 đã viết biên nhận và ký tên trước mặt anh S.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T2 trình bày bà T2 có viết giấy nhận nợ với bà T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), số tiền này bà T2 nhận trực tiếp từ ông Trần Văn S chứ không phải từ bà T. Ngoài ra, bà T2 cho rằng ông S có hứa sẽ đóng lãi phần tiền này cho bà T, lý do là ông S vi phạm hợp đồng mua nhà của bà T2 giờ ông S phải lo cho bà T2 xây phòng Karaôkê để bà T2 làm ăn, biên nhận nợ này bà T2 và bà T không liên quan gì với nhau, bà T2 không biết bà T là ai, nên bà T2 không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà T, nhưng đây chỉ là những lời khai nại không có chứng cứ gì chứng minh nên không được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định lời trình bày của phía nguyên đơn là phù hợp với Biên nhận ngày 9/6/2016 và lời khai người làm chứng Trần Văn S, vì vậy Hội đồng xét xử xác định việc bị đơn Lê Thị T2 có vay của bà Phan Thị T số tiền 100.000.000 đồng là có thật.

[3] *Về lãi suất*: Do nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị T2 trả cho bà Phan Thị T số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] *Về án phí*:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Lê Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng do bà Lê Thị T2 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 92, 95, 147, 173, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị T.

- Buộc bà Lê Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị T2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Phan Thị T số tiền 4.670.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm, bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0007214 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Trịnh Thùy Vân**